

**NGHỊ QUYẾT**

**Về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp  
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Xét Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các doanh nghiệp nhận ưu đãi và hỗ trợ là doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này.

### **Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu có hợp đồng liên kết với nông dân.

2. Trong cùng một thời gian, nếu dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có các mức ưu đãi, hỗ trợ khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất. Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

3. Doanh nghiệp tự bỏ vốn, huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư vào ngành, nghề ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp. Nhà nước hỗ trợ sau đầu tư theo định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

### **Điều 4. Các chính sách hỗ trợ**

#### **1. Chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng:**

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ được ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành (*được nghiệm thu và đưa vào hoạt động*) như sau:

a) Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất cho vay thương mại của các ngân hàng thương mại so với lãi suất tín dụng đầu tư của nhà nước tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

b) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% kinh phí đầu tư của dự án.

c) Thời gian hỗ trợ lãi suất đối với từng khoản vay (*phát sinh sau khi dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động*) tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại tối đa là 08 năm.

Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

#### **d) Căn cứ để xác định chênh lệch lãi suất hỗ trợ:**

Mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại làm cơ sở để ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất cho vay thấp nhất của các ngân hàng thương mại do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ, có hoạt động cho vay các khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ được ngân hàng thương mại niêm yết công khai tại các điểm giao dịch.

Mức lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước làm căn cứ cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước công bố áp dụng cho từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

## 2. Hỗ trợ đầu tư trồng rau, củ, quả, chè:

a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư trồng rau, củ, quả, chè theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch được hỗ trợ 60% kinh phí đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng giao thông, điện, xử lý chất thải, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống nhà lưới, nhà kính và các trang thiết bị đi kèm như tưới nước tiết kiệm, điều chỉnh nhiệt độ... trong hàng rào dự án.

### b) Điều kiện hỗ trợ:

Dự án có quy mô diện tích tập trung từ 10ha đất canh tác trở lên hoặc 3.000m<sup>2</sup> trở lên đối với diện tích nhà trồng cây (*nhà kính, nhà lưới*) xây kiên cố.

## 3. Hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản nông sản:

a) Các doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản (*gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học*) được ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% chi phí đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

### b) Điều kiện hỗ trợ:

Công suất sấy nông sản, lâm sản phải đạt tối thiểu 20 tấn sản phẩm/ngày. Bảo quản rau, hoa quả tươi, chè và các nông sản khác đạt 500 tấn kho.

## 4. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế biến nông, lâm sản:

a) Các doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chế biến nông, lâm sản (*sản phẩm từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản*) được ngân sách nhà nước hỗ trợ 60% kinh phí đầu tư nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ: Các dự án đầu tư chế biến nông, lâm sản phải bảo đảm các điều kiện giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.

## 5. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung:

a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung được nhà nước hỗ trợ 60% kinh phí đầu tư nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, cấp thoát nước, nhà xưởng, xử lý chất thải trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ: Dự án có quy mô chăn nuôi tập trung đạt một trong các quy mô sau:

- Đối với trâu, bò trên 100 con nuôi sinh sản hoặc trên 200 con nuôi lấy thịt.
- Đối với lợn trên 300 con nái sinh sản hoặc trên 500 con gồm lợn nái và lợn nuôi lấy thịt (*trong đó lợn nái chiếm tối thiểu 1/3 tổng đàn*) hoặc trên 1.000 con nuôi lấy thịt.
- Đối với dê trên 400 con sinh sản hoặc trên 600 con nuôi lấy thịt.
- Đối với gà trên 3.000 con mái sinh sản hoặc trên 5.000 con nuôi lấy thịt.
- Đối với ngan, vịt trên 2.500 con mái sinh sản hoặc trên 4.000 con nuôi lấy thịt.

## 6. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung:

a) Các doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung có hệ thống quản lý chất thải rắn và lỏng theo đúng quy định được hỗ trợ 60% kinh phí đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để đầu tư cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

### b) Điều kiện hỗ trợ:

- Đối với cơ sở giết mổ gia súc tập trung có quy mô tối thiểu 50 con/ngày.
- Đối với cơ sở giết mổ gia cầm tập trung có quy mô tối thiểu 500 con/ngày.

## **Điều 5.** Nguồn vốn; trình tự, thủ tục đầu tư

1. Chi hỗ trợ doanh nghiệp theo khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này được sử dụng từ nguồn chi thường xuyên. Hàng tháng ngân sách tỉnh cấp trực tiếp cho ngân hàng thương mại chênh lệch lãi suất vay mà doanh nghiệp được hỗ trợ, theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng đã ký. Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (*gốc và lãi*) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

2. Chi hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 4 Nghị quyết này được sử dụng từ nguồn vốn đầu tư phát triển của tỉnh.

3. Ngân sách tỉnh thực hiện hỗ trợ sau đầu tư: Khi dự án (*hoặc hạng mục của dự án*) hoàn thành, nghiệm thu thì được giải ngân 70% mức vốn hỗ trợ; sau khi dự án đưa vào sản xuất, kinh doanh thì được giải ngân 30% mức vốn hỗ trợ còn lại.

4. Phần vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh không tính vào thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp.

5. Trình tự, thủ tục đầu tư: Thực hiện theo quy định tại chương IV, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

## **Điều 6.** Điều khoản chuyển tiếp

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Các doanh nghiệp có dự án đang thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đáp ứng quy định ưu đãi, hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

## **Điều 7.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

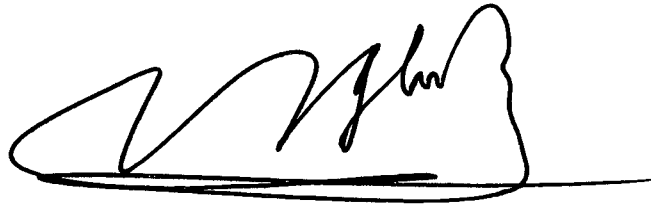
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa IX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 17 tháng 4 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 4 năm 2019./.

*Nơi nhận:*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, HS.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Du**